TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HS-ST

Ngày: 01- 6-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tiềm– Cán bộ hưu trí;

2. Ông Trần Văn Tám – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: *ông Phạm Văn Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: *ông Nguyễn Trân Quốc Vương - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2021/TLST- HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

TRẦN MINH L; Tên gọi khác: Tú Em;

Sinh năm 1988; Nơi sinh: tỉnh Tiền Giang; Đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; CMND số 311976111; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: lớp 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn Đ và bà: Phạm Thị K; Vợ: Nguyễn Thị Hồng V; bị cáo chưa có con.

Tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/8/2020, chuyển tạm giam ngày 24/8/2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1977; Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Trương Thị Châu L1, sinh năm 1979; Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An;

- Ông Nguyễn Thiện Bảo Đ, sinh năm 1976; Vắng mặt;

Địa chỉ: phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

- Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1972; Vắng mặt;

Địa chỉ:, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; Có mặt;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. Anh Nguyễn Hữu L2, sinh năm 1993; Có mặt;

Địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1998. Có mặt;

Địa chỉ: ấp T, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987. Vắng mặt;

Địa chỉ: khóm A, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng đầu năm 2019, do không có tiền tiêu xài nên Trần Minh L nãy sinh ý định thu tiền bảo kê các xe ô tô đưa rước công nhân đậu tại sân lễ khu di tích Ấp Bắc thuộc ấp Bắc, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. L biết trước đó Trần Văn B1 đã từng nhận tiền của các chủ xe nên gặp B1 yêu cầu B1 nhường lại và xin số điện thoại của các chủ xe ô tô để chủ động liên lạc. B1 đồng ý và kêu L gặp Trần Đình P để lấy số điện thoại của các chủ xe. Sau khi được P cung cấp số điện thoại, L sử dụng điện thoại di động của mình trực tiếp điện thoại đến các chủ xe ô tô thông báo việc L là người trực tiếp thu tiền từ tháng 1/2019, gồm: bà Nguyễn Thị A là chủ xe ô tô khách biển kiểm soát 63B-019.33, ông Nguyễn Văn B là chủ xe ô tô khách biển kiểm soát 63B-001.28, bà Trương Thị Châu L1 là chủ xe ô tô khách biển kiểm soát 62B-001.58, ông Nguyễn Thiện Bảo Đ là chủ xe ô tô khách biển kiểm soát 64H-3318, ông Nguyễn Công T là chủ xe ô tô khách biển kiểm soát 63B-003.88. L quy Đ mỗi chủ xe hàng tháng phải nộp cho L là 300.000 đồng và gởi tiền cho ông Nguyễn Văn D chủ quán giải khát ở sân lễ và đe dọa nếu không nộp tiền sẽ bị L đập bể kính chiếu hậu xe.

Trần Minh L bắt đầu thu 300.000 đồng/tháng/xe của 05 chủ xe ô tô nêu trên từ tháng 01/2019 thông qua người nhận tiền giúp là ông Nguyễn Văn D. Đến tháng 4/2019, do bà Nguyễn Thị A không đóng tiền 03 tháng liền nên bị L đập bể 02 kính chiếu hậu xe ô tô 63B-019.33 nên các chủ xe lo sợ và tiếp tục đóng tiền cho L. Tổng số tiền L thừa nhận đã chiếm đoạt của 05 chủ xe ô tô nêu trên tính đến tháng 7/2020 là 15.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2020, anh Nguyễn Văn P là tài xế của xe ô tô khách của ông B (lúc này ông B đã giao xe lại cho con ruột là anh Nguyễn Minh T trực tiếp quản lý xe) hẹn gặp L để đưa tiền cho xe ô tô 63B-001.28 và xe ô tô 63B-019.33 của bà A. Trần Minh L nhờ người bán vé số tên Nguyễn Thanh S đến gặp anh P để nhận tiền, trong lúc anh S đang nhận 600.000 đồng do anh P giao thì lực lượng Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 600.000 đồng, 01 xe mô tô 63B2-778.5301, 01 điện thoại di động Iphone 7 bên trong có 01 sim.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSTXCL ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy để xét xử bị cáo Trần Minh L về tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự .

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Cai Lậy giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 170, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Minh L phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản", đề nghị xử phạt bị cáo L từ 04 -05 năm tù, buộc bị cáo phải giao nộp số tiền 15.000.000 đồng để sung công quỹ hà nước, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 7 và 01 sim.

- Bị cáo Trần Minh L khai nhận đã hành vi đe dọa nhằm chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng của 05 chủ xe ô tô đậu tại sân lễ khu di tích Ấp Bắc từ tháng 01/2019 đến tháng 8/2019 và sử dụng tiền tiêu xài cá nhân hết; Bị cáo không có ý kiến tranh luận; Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người bị hại: các ông, bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn B, Trương Thị Châu L1, Nguyễn Thiện Bảo Đ và Nguyễn Công T vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu L2 và Nguyễn T S trình bày thống nhất là có nhận tiền của chủ xe hoặc tài xế xe đậu ở lễ đài khu di tích Ấp Bắc đưa lại cho L nhưng không B1 là tiền gì, cũng không có nhận tiền L cho lại

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo Trần Minh L phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

- Bị cáo Trần Minh L là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đã có hành vi gọi điện thoại đe dọa các ông, bà Nguyễn Thị A, Nguyễn Văn B, Trương Thị Châu L1, Nguyễn Thiện Bảo Đ và Nguyễn Công T là chủ của các xe ô tô đưa rước công nhân đậu tại sân lễ khu di tích Ấp Bắc để những người này lo sợ L đập phá xe mà đóng tiền cho L; tổng số tiền bị cáo L chiếm đoạt của 05 người bị hại là 15.000.000 đồng.

- Hành vi của bị cáo Trần Minh L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Minh L đã phạm vào tội cưỡng đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Hữu L2 và Nguyễn T S có hành vi nhận tiền của các chủ xe và giao lại cho L. Tại phiên tòa những người này trình bày không B1 tiền do đâu mà có, bị cáo L khai không cho những người này B1 là tiền gì nên xác Đ các ông D, L2, S không có dấu hiệu đồng phạm.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy để xét xử bị cáo Trần Minh L về tội cưỡng đoạt tài sản theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo L đã thành khẩn khai báo, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trần Minh L nhiều lần chiếm đoạt tiền của những người bị hại nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tôi 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xét về nhân thân: bị cáo L là phần tử không có ý thức chấp hành pháp luật bị phạt hành chính về hành vi tổ chức hoạt động cá cược và sử dụng các loại vũ khí không có giấy phép.

[4] Qua xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét nhân thân của bị cáoTrần Minh L; Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo L ra khỏi xã hội một thời gian nhất Đ để bị cáo cải tạo bản thân thành công dân tốt, B1 tôn trọng pháp luật qua đó nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã trao trả cho bà Nguyễn thị A 300.000 đồng, anh Nguyễn Minh T số tiền 300.000 đồng và trao trả cho anh Nguyễn Văn S 01 xe mô tô 63B2-778.5301 là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động Iphone 7 bên trong có sim là tài sản của bị cáo đã sử dụng để điện thoại đe dọa nhằm chiếm đoạt tiền của những người bị hại được xác Đ là P tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra cũng đã có đơn bãi nại trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền bị chiếm đoạt.

[7] Đối với số tiền 15.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt, những người bị hại không yêu cầu bị cáo có trách nhiệm hoàn trả lại nên xác Đ đây là tiền do phạm tội mà có cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ giao nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy Đ tại khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, Thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy đã phân tích chứng cứ xác Đ bị cáo Trần Minh L phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt áp dụng với bị cáo và án phí, xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Trần Văn B1 và Trần Đình P hiện không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy tiếp tục điều tra, làm rỏ và xử lý sau.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 170, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 47, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Tuyên bố bị cáo Trần Minh L phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/8/2020.

Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ giao nộp lại số tiền 15.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

2/- Vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 bên trong có 01 sim.

3/- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4/- Quyền kháng cáo:

Bị cáo L, ông D, ông L2, ông S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Những người bị hại và ông P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy;
- Sở tư pháp tỉnhTiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng: bị cáo; bị hại...
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị A Tuyết

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG
_____

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 14 tháng 9 năm 2020

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị A Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Văn Tám;

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST- HS ngày 01 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo: **TRẦN THỊ ĐÔNG**; Sinh năm 1977; Tên gọi khác: Út. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 190, khóm Tân Quới Hưng, Phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT Đ CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/- Căn cứ vào các điều luật:

Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3

2/- Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Đông phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Biểu quyết 3/3.

3/- Hình phạt áp dụng:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Đông 03 (ba) năm tù.

Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành 05 tháng 05 ngày của Bản án hình sự phúc thẩm số 82/2019-HSPT ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, buộc bị cáo Trần Thị Đông phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 05 tháng 05 ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/5/2020.

Biểu quyết 3/3.

4/- Án phí: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết 3/3.

5/- Quyền kháng cáo:

Bị cáo Đông có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Phước có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 40 phút, ngày 14 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**